

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Tel: (84-31) 3823351

Fax: (84-31) 3822155

Website: <http://www.transco.com.vn>

Email: transco@transco.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015

MỤC LỤC

I) Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

II) Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III) Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

IV) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

V) Quản trị Công ty

VI) Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2015
Mã chứng khoán : TJC
Tên công ty niêm yết : Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại
- Tên tiếng Anh : Transportation and Trading services joint stock company
- Tên viết tắt : Transco
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200387594
- Vốn điều lệ: 86.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 86.000.000.000 đồng
- Trụ sở giao dịch : Số 1 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại : (84 - 31) 3842565 Fax : (84-31) 3822155
- Email : transco@transco.com.vn Website : www.transco.com.vn
- Mã cổ phiếu: TJC

* Quá trình hình thành và phát triển:

a. Việc thành lập

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại tiền thân là Xí nghiệp dịch vụ - vận tải hàng hoá và hành khách trực thuộc Công ty vận tải biển III, thành viên của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

b. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Công ty được cổ phần hoá theo Quyết định số 3827/1999/QĐ-BGTVT ngày 30/12/1999 của Bộ Giao thông vận tải và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 0200387594 ngày 28 tháng 08 năm 2015. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2000 với vốn điều lệ 4 tỷ đồng trong đó vốn Nhà nước do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam làm đại diện chiếm 30%, vốn của các cổ đông khác chiếm 70%. Từ tháng 5/2015 đến nay vốn điều lệ của Công ty là 86 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên làm đại diện chiếm 33,49%, vốn của các cổ đông khác chiếm 66,51%.

c. Niêm yết

Ngày 12 tháng 12 năm 2007 Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp giấy chứng nhận số 368/ ĐKGD cho phép Công ty “ được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2007” với mã chứng khoán TJC.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch lần đầu tiên vào ngày 17 tháng 12 năm 2007.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

- a) Vận tải đường thủy;
- b) Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- c) Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- d) Kinh doanh bán buôn , đại lý, môi giới;
- e) Kinh doanh bất động sản;
- f) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm.

b. Tình hình hoạt động

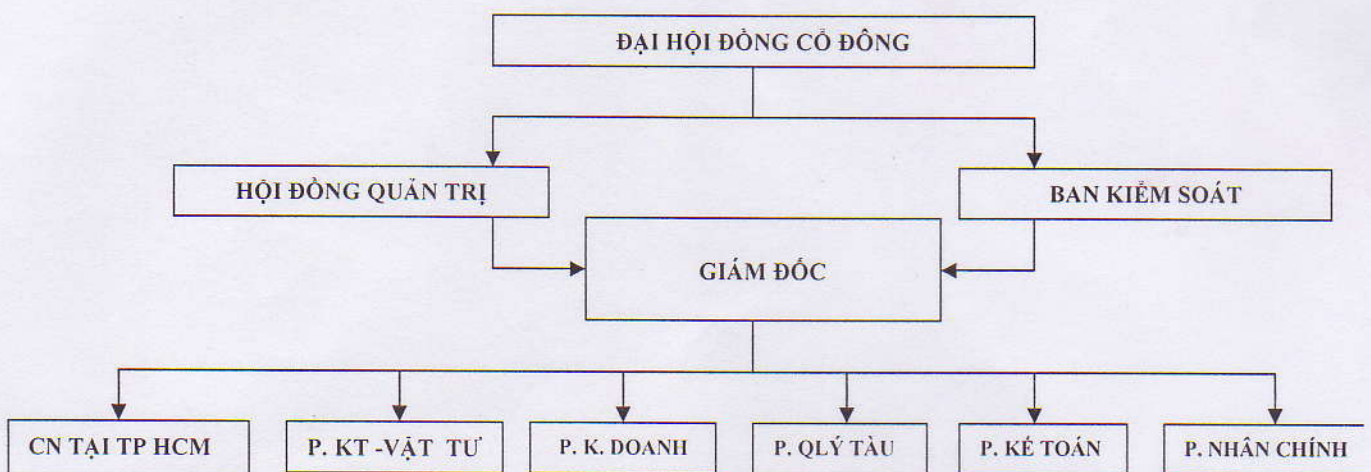
Với những nỗ lực của cán bộ công nhân viên Công ty và sự hỗ trợ từ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, sau gần 16 năm hoạt động Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại đã không ngừng lớn mạnh và phát triển. Vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 4 tỷ đồng năm 2000 lên 10 tỷ đồng năm 2004, tháng 11 năm 2007 vốn điều lệ của Công ty đạt 30 tỷ đồng, tháng 5/2010 vốn điều lệ của Công ty đạt 60 tỷ đồng, đến tháng 5/2015 vốn điều lệ của Công ty đã đạt 86 tỷ đồng. Đội tàu của Công ty từ lúc cổ phần hóa chỉ có 01 tàu với trọng tải 8.294 DWT, đến đầu năm 2013 đội tàu của Công ty gồm 04 chiếc tàu hàng khô với tổng trọng tải 29.711 DWT. Tuy nhiên để cơ cấu, trẻ hoá đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh, trong năm 2013,2014 Công ty tiến hành bán một số tàu già, tiêu hao nhiên liệu cao như tàu Transco Sun, tàu Hà Tây. Đến tháng 8/2015 Công ty đầu tư thêm 01 tàu hàng khô Transco Glory 11 tuổi có trọng tải 8.782 DWT. Đội tàu hiện nay đều có tình trạng kỹ thuật tốt, đảm bảo các yêu cầu của đăng kiểm, khai thác có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch và kinh doanh có lãi. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu ở 02 mảng: khai thác vận tải và dịch vụ vận tải. Các hợp đồng vận

chuyên hầu hết đã được ký trước với các bạn hàng truyền thống. Đội tàu được khai thác chủ yếu ở các tuyến Đông Nam á và Đông Bắc á chở chủ yếu là loại hàng rời, hàng bao và hàng bách hoá. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng đầu tư phát triển đội tàu, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Với đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm và đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Công ty luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty hàng hải Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty trong năm 2015 như sau:

- Hội đồng quản trị : gồm 06 thành viên
- Ban kiểm soát : gồm 03 thành viên
- Ban Giám đốc : 01 Giám đốc, 01 phó giám đốc
- Khối quản lý : gồm 05 phòng ban chức năng, 01 chi nhánh.
 - + Phòng Quản lý tàu
 - + Phòng Kế toán
 - + Phòng Kinh doanh
 - + Phòng Nhân chính
 - + Phòng kỹ thuật Vật tư
 - + Chi nhánh tại TP HCM



4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Về kinh doanh đội tàu: Tiếp tục duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống vận chuyển hàng nội địa, xuất nhập khẩu theo tuyến Đông Nam á, Đông Bắc Á, đồng thời khai thác các tuyến vận chuyển mới ở các tuyến xa hơn.

- Về hoạt động dịch vụ: đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển thị trường dịch vụ hàng container, hàng bao, hàng rời, mở rộng quan hệ với các hãng tàu, khách hàng lớn có nguồn hàng vận chuyển ổn định.

- Tiếp tục công tác tuyển dụng thuyền viên, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng các chức danh sỹ quan đã có kinh nghiệm đi tàu để hoàn thiện tốt hơn đội ngũ thuyền bộ cho các tàu của Công ty.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển thành doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải có trình độ và năng lực cạnh tranh quốc tế, cung cấp các dịch vụ vận tải biển và giao nhận hàng hoá có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước trong đó kinh doanh vận tải biển là chủ lực.

- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng việc đầu tư phát triển, trẻ hóa đội tàu và tăng cường năng lực vận tải. Năm 2015 tổng số tấn trọng tải của đội tàu là 23.222 DWT. Từ năm 2016 – 2020 Công ty có kế hoạch đầu tư thêm từ 02 đến 03 chiếc tàu hàng khô trọng tải 9.000 – 12.000 DWT tùy theo khả năng tài chính của Công ty để đáp ứng kịp thời yêu cầu vận tải của các bạn hàng truyền thống, nâng tổng số tấn trọng tải đội tàu vào năm 2020 là 45.000 DWT.

- Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ hàng hải và vận tải, tiến tới xây dựng mô hình kinh doanh dịch vụ khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá.

- Nghiên cứu mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ các nhà máy sản xuất xi măng trong và ngoài nước.

5. Các rủi ro:

a) Rủi ro kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty – hoạt động vận tải biển – chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên toàn thế giới. Tất cả các biến động về kinh tế – chính trị trên thế giới đều làm ảnh hưởng đến quan hệ thương mại giữa các quốc gia, khu vực, và do đó tất yếu ảnh hưởng đến hoạt động vận tải biển của Công ty.

Trong năm 2015, nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu có dấu hiệu phục hồi nhưng thị trường vận tải biển vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Thị phần vận tải biển Việt Nam bị cạnh tranh gay gắt bởi không chỉ các hãng tàu nước ngoài mà cả rất nhiều các công ty khác hoạt động trong lĩnh vực vận tải, trong khi giá cước vận tải vẫn ở mức thấp, các chi phí đầu vào vẫn liên tục tăng cao như sửa chữa, cảng phí, ... ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt ngày càng nhiều các Công ty hoạt động về lĩnh vực vận tải trong và ngoài nước nên sự cạnh tranh về giá cước rất khốc liệt.

b) Rủi ro bất khả kháng:

Ngành hàng hải là một trong những lĩnh vực kinh doanh có nhiều rủi ro nhất bao gồm những rủi ro bất khả kháng do thiên tai, địch họa, bão lụt, chiến tranh..., có thể gây ra tổn thất đối với phương tiện vận tải, hàng hoá và con người trên tàu.

c) Rủi ro về tỷ giá:

Lĩnh vực kinh doanh vận tải của Công ty chủ yếu là vận tải quốc tế nên doanh thu thu về chủ yếu là bằng đồng đô la Mỹ. Mặt khác đầu tư phát triển đội tàu với giá trị lớn hầu hết đều mua ở nước ngoài nên khoản vay Ngân hàng để đầu tư đều bằng đồng đô la Mỹ. Do vậy sự tăng giảm của tỷ giá USD/VNĐ sẽ tác động rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo Báo cáo tài chính của Công ty năm 2015 đã được kiểm toán :

- Doanh thu thuần : 198.251.329.120 đồng
- Lãi trước thuế : 13.646.780.724 đồng

Bảng 1 : So sánh tình hình thực hiện năm 2015 với kế hoạch năm 2015

Đơn vị : triệu đồng

STT	TÊN CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH
1	Tổng doanh thu	180.000	198.251	110,14%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	8.800	13.646	155,06%
3	Tỷ lệ LN sau thuế/ tổng doanh thu (%)	4,88	6,88	141%
4	Tỷ lệ LN sau thuế/ vốn điều lệ (%)	10,23	15,86	155,03%
5	Cổ tức / Cổ phiếu(%/vốn điều lệ)	8% /vốn điều lệ	chưa thực hiện	

Năm 2015 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra tương đối ổn định. Hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chủ yếu trên 02 lĩnh vực là vận tải và logistics đều hoạt động tốt tuy thị trường ngày càng khó khăn do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, chân hàng thì ít, không cân đối trong khi đội tàu trên thế giới thì dư thừa. Mặc dù tình hình kinh tế trong nước khó khăn vẫn kéo dài, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty đã xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình hiện có của Công ty, tiếp tục tái cơ cấu đội tàu để nâng cao hiệu quả khai thác vận tải biển, chú trọng hợp tác, liên kết với các bạn hàng, đối tác chiến lược nhằm xây dựng các sản phẩm trọn gói, hiệu quả cao. Tháng 8/2015 Công ty đã mua thành công 01 tàu hàng khô Transco Glory đóng tại Nhật Bản năm 2004 có trọng tải 8.782 DWT. Đội tàu được hoạt động trong điều kiện kỹ thuật tốt, có chân hàng ổn định, chuyên chở hàng cho các bạn hàng truyền thống, khai thác hiệu quả hơn trước, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch và hoạt động có lãi. Kinh doanh dịch vụ vận tải vẫn duy trì những nguồn hàng ổn định như chuyển tải xi măng, clinker, dịch vụ hàng container. Mặc dù trong năm Công ty có 02 tàu lên đà sửa chữa lớn mất hơn 01 tháng không có doanh thu và tàu Transco Glory sửa chữa thường xuyên sau khi nhận về đảm bảo điều kiện khai thác tốt nhưng kết thúc năm 2015, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 198 tỷ đồng, bằng 89,36% so với năm 2014 và tăng 10,14% so với kế hoạch đặt ra. Giá vốn hàng bán năm 2015 là 175,8 tỷ đồng, bằng 86,92% so với năm 2014 do chi phí nhiên liệu giảm và Công ty luôn cố gắng tiết giảm chi phí. Từ đó dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty đạt: 13,6 tỷ đồng, bằng 155,06% kế hoạch đề ra và bằng 49,1% năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự:

*** Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

a. Ông Lê Tất Hưng - Giám đốc điều hành

- Sinh ngày : 20/04/1964
- Giới tính : Nam
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số điện thoại : 0913244180
- Số CMTND : 030679230
- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành công ty
- Nơi ở hiện nay : Khu 9, Phường Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác :
 - + Từ 1988 đến 06/2002 : công tác tại Công ty vận tải biển III, kiêm uỷ viên HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.
 - + Từ 6/2002 đến 12/10/2009 : Uỷ viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
 - + Từ 12/10/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty.

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 176.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 2.880.000 cổ phần

b. Ông **Phan Duy Vân** - Phó Giám đốc Công ty

- Sinh ngày : 18/05/1966
- Giới tính : Nam
- Nơi sinh : Nghệ An
- Số điện thoại : 0912452896
- Số CMTND : 030802311
- Chức vụ hiện nay : uỷ viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc công ty
- Nơi ở hiện nay : Số 9 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng bàng,

Hải Phòng

- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Khai thác máy tàu thủy
- Quá trình công tác :
 - + Từ 01/2001 đến 02/2003 : Sỹ quan máy Công ty vận tải biển III.
 - + Từ 02/2003 đến 10/2004 : cán bộ phòng kinh doanh Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
 - + Từ 10/2004 đến 04/2007: cán bộ phòng Quản lý tàu Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
 - + Từ 04/2007 đến 07/2008: Phó phòng Quản lý tàu Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
 - + Từ 07/2008 đến 09/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật-vật tư Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
 - + Từ 09/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
 - + Từ 05/2013 đến nay: Uỷ viên HĐQT Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 60.120 cổ phần

b. Bà **Trần Thị Kim Lan** - Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 22/01/1962
- Giới tính : Nữ
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số CMTND : 030168425
- Số điện thoại : (031)3823351
- Nơi ở hiện nay : Số 1 cảng 2 Lê Lợi, phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Quá trình công tác :

- + Từ 1985 - 1997 : Cán bộ Thương vụ Công ty vận tải biển III.
- + Từ 4/1997 - 5/2001 : Phó phòng Tài chính Kế toán Cty vận tải biển III.
- + Từ 5/2001 đến nay : Kế toán trưởng Cty CP dịch vụ vận tải và TM , từ tháng 5/2008 đến nay : kiêm uỷ viên HĐQT Công ty.

- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Cty CP dịch vụ vận tải và thương mại kiêm uỷ viên HĐQT Công ty.

- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải sông
- Số cổ phần nắm giữ : 33.600 cổ phần

***Tình hình biến động nhân sự của Ban điều hành :** không có.

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

- + Số lượng cán bộ công nhân viên trong công ty : 115 người
- + Chính sách đối với người lao động :

- Chế độ làm việc : Người lao động trong công ty đều có hợp đồng theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày / tuần và 8 giờ/ ngày.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo nhân lực : Đối với thuyền viên, thường xuyên tổ chức công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên trực tiếp ngay tại Công ty và trên các phương tiện vận tải biển, gửi thuyền viên tham dự các khoá đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng thực hành tại các cơ sở đào tạo thuyền viên chuyên nghiệp trong nước. Các sỹ quan thuyền viên mới tuyển dụng phải trải qua các khoá huấn luyện ngắn hạn trước khi đưa xuống các phương tiện vận tải. Đối với lao động gián tiếp, công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành

ngành chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi : Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân , tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Quy chế lương của Công ty xây dựng trên cơ sở khuyến khích tối đa mức độ đóng góp của nhân viên, định kỳ hai lần trong năm Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật hợp đánh giá mức độ cống hiến của từng nhân viên trong Công ty, trên cơ sở đó đề ra mức khen thưởng lợi ích cụ thể với từng người, điều này đã khuyến khích cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty. Hằng năm, Công ty có tổ chức cho Cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng bằng phương án phát hành 1.200.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tổng mệnh giá 12 tỷ đồng lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và chào bán 1.400.000 cổ phiếu tương ứng tổng mệnh giá 14 tỷ đồng ra công chúng. Công ty đã sử dụng nguồn tiền này làm vốn đối ứng vay Ngân hàng để mua tàu hàng khô Transco Glory trọng tải 8.782 DWT với giá trị đầu tư là 65,82 tỷ đồng. Tàu Transco Glory sau khi tiếp nhận đã được đưa vào khai thác vận tải tuyến quốc tế đạt hiệu quả tốt.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	189.301.562.708	221.533.926.291	17,02
Doanh thu thuần	221.864.779.297	198.251.329.120	-10,64
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.070.572.562	10.898.937.602	20,15
Lợi nhuận khác	18.684.805.521	2.747.843.122	-85,29
Lợi nhuận trước thuế	27.755.378.083	13.646.780.724	-50,83
Lợi nhuận sau thuế	23.020.874.051	10.631.737.934	-53,81
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3.197	1.240	-61,21

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,28 1,16	0,7 0,62	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: + Hệ số nợ/Tổng tài sản + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,44 0,79	0,44 0,79	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán <u>Hàng tồn kho bình quân</u> + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	31,85 1,17	39,06 0,89	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,1 0,21 0,12 0,04	0,05 0,08 0,04 0,05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 8.600.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Chi tiết về cơ cấu cổ đông tính đến ngày 29/12/2015:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	8,507,690	85,076,900,000	98,93	92,310	923,100,000	1,07	8,600,000	86,000,000,000	100
1. Cổ đông Nhà nước	2,880,000	28,800,000,000	33,49	0	0	0	2,880,000	28,800,000,000	33,49
2. Cổ đông đặc biệt	398,974	3,989,740,000	4,64	0	0	0	398,974	3,989,740,000	4,64
- Hội đồng quản trị	384,500	3,845,000,000	4,47				384,500	3,845,000,000	4,47
- Ban giám đốc									
- Ban kiểm soát	14,474	144,740,000	0,17				14,474	144,740,000	0,17
- Kế toán trưởng									
3. Cổ đông trong công ty:	76,656	766,560,000	0,90	0	0	0	76,656	766,560,000	0,90
- Tổ chức	2,675	26,750,000	0,04				2,675	26,750,000	0,04
- Cán bộ công nhân viên	73,981	739,810,000	0,86				73,981	739,810,000	0,86
4. Cổ đông ngoài công ty:	5,152,060	51,520,600,000	59,90	92,310	923,100,000	1,07	5,244,370	52,443,700,000	60,97
- Cá nhân	4,064,767	40,647,670	47,26	20,910	209,100,000	0,24	4,085,677	40,856,770,000	47,50
- Tổ chức	1,087,293	10,872,930	12,64	71,400	714,000,000	0,83	1,158,693	11,586,930,000	13,47
II. Cổ phiếu quỹ									

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	8,507,690	85,076,900,000	98,93	92,310	923,100,000	1,07	8,600,000	86,000,000,000	100
1. Cổ đông sáng lập	272,309	2,723,090,000	3,16				272,309	2,723,090,000	3,16
2. Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	3,348,400	33,484,000,000	38,94				3,348,400	33,484,000,000	38,94
3. Cổ đông nắm giữ từ 1% - 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	540,280	5,402,800,000	6,29				540,280	5,402,800,000	6,29
4. Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	4,346,701	43,467,010,000	50,54	92,310	923,100,000	1,07	4,439,011	44,390,110,000	51,61

- Chi tiết về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên :

1. Tên cổ đông : Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên

+ Số cổ phần nắm giữ : 2.880.000 cổ phần

+ Số giấy phép đăng ký kinh doanh : 0100104595 - Sở Kế hoạch Đầu tư Hà nội cấp ngày 04/04/2014

+ Địa chỉ :Toà nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Đống Đa - Hà Nội

+ Người đại diện : Lê Tất Hưng -Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.

2. Tên cổ đông: Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt

+ Số cổ phần nắm giữ: 468.400 cổ phần.

+ Số giấy phép đăng ký kinh doanh : 0309587030 - Sở Kế hoạch Đầu tư TPHCM cấp ngày 19/11/2009.

+ Địa chỉ :Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TPHCM.

3. Ngày 30/12/2015, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB chính thức trở thành cổ đông lớn của Công ty với số cổ phần nắm giữ là: 446.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,19%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 83/CV-KT ngày 19/05/2015 gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước với tổng số cổ phiếu đã phát hành là 2.600.000 cổ phiếu, trong đó: cổ phiếu thưởng là 1.200.000 cổ phiếu tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 12 tỷ đồng lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 1.400.000 cổ phiếu tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá là 14 tỷ đồng. Ngày 28/08/2015 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 với số vốn điều lệ là 86 tỷ đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 mặc dù thị trường vận tải biển vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi và bị cạnh tranh gay gắt, Công ty vẫn nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kết thúc năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt kết quả khả quan. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 198,2 tỷ đồng, bằng

89,3% so với năm 2014 do giá cước bị giảm từ 7% - 10%. Năm 2015 tàu Transco Star và Transco Sky đều vào đà sửa chữa lớn mất hơn 01 tháng ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả chung. Giá vốn hàng bán đạt 175,8 tỷ đồng, bằng 86,9% so với năm 2014 do giá nhiên liệu giảm khoảng 50% - 55% so với năm 2014 và Công ty luôn nỗ lực tiết giảm các khoản chi phí. Chi phí tài chính đạt 5,9 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2014 do tỷ giá USD/VND tăng mạnh và Công ty vay thêm vốn hơn 30 tỷ VNĐ để mua tàu Transco Glory trọng tải 8.782 DWT vào tháng 8/2015. Đội tàu của Công ty gồm 03 tàu được khai thác trên các tuyến Đông Nam á, Đông Bắc á và cho thuê định hạn đạt hiệu quả cao. Hoạt động dịch vụ vận tải vẫn tiếp tục duy trì các hợp đồng trung chuyển xi măng, clinker xuất khẩu, vận chuyển hàng thép, bách hoá theo tuyến Bắc - Nam và ngược lại.

Với sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám đốc cùng với sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên toàn Công ty, kết thúc năm 2015 tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 198,2 tỷ đồng, tăng 10,14% so với kế hoạch và bằng 89,3% so với năm 2014. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2015 đạt 10,8 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2014.

Lợi nhuận khác năm 2015 đạt 2,7 tỷ đồng, giảm 85,3% so với năm 2014 (lợi nhuận khác năm 2014 đạt 18,6 tỷ đồng do Công ty thu được nguồn lợi nhuận 17,6 tỷ đồng do việc bán thanh lý tàu Hà Tây hết khấu hao). Từ những nguyên nhân trên, kết thúc năm 2015 tổng lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 10,6 tỷ đồng, giảm 53,8% so với năm 2014 (năm 2014 lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 23 tỷ đồng).

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 :

+ Tổng giá trị tài sản	: 221.533.926.291 đồng
Trong đó :	
- Tài sản ngắn hạn	: 34.328.061.236 đồng
- Tài sản dài hạn	: 187.205.865.055 đồng
+ Tổng nguồn vốn	: 221.533.926.291 đồng
Trong đó:	
- Nợ phải trả	: 97.911.167.655 đồng
- Vốn chủ sở hữu	: 123.622.758.636 đồng

Đầu năm 2015 Công ty khai thác trên 02 con tàu Transco Star và tàu Transco Sky có độ tuổi bình quân 16 -17 tuổi, với tổng trọng tải 14.346 DWT. Trước tình hình kinh tế vẫn còn nhiều bất ổn và đầy thách thức, thị trường vận tải vẫn rất bấp bênh, giá cước vận tải vẫn rất thấp trong khi đó các chi phí đầu vào vẫn tiếp tục tăng cao như chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, Hội đồng quản trị cùng với Ban Giám đốc đã chỉ đạo và

đưa ra nhiều biện pháp như cơ cấu lại đội tàu, tiết giảm chi phí, khai thác tàu phù hợp, đảm bảo hàng hai chiều, tăng thời gian vận hành của đội tàu, tăng doanh thu và kinh doanh có lãi. Tháng 8/2015 Công ty đầu tư thêm 01 tàu hàng khô Transco Glory 11 tuổi đóng tại Nhật Bản trọng tải 8.782 DWT. Đội tàu của Công ty gồm 03 tàu đều có tình trạng kỹ thuật tốt, được khai thác hiệu quả hơn trước, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch và kinh doanh có lãi.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Nhìn chung Công ty đều thanh toán các khoản nợ cho khách hàng tương đối đều đặn và ổn định theo đúng quy định trong hợp đồng. Đến cuối năm 2015 Công ty còn nợ Ngân hàng Công thương Hồng Kông là 1,8 triệu USD tiền đầu tư mua 02 tàu Transco Star và Transco Sky và hơn 30 tỷ VNĐ tiền đầu tư tàu Transco Glory. Công ty luôn cân đối nguồn vốn để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng thời hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2015, Công ty liên tục rà soát để phân loại, đào tạo lại những thuyền viên có năng lực yếu kém, không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công việc, đào tạo nâng cao trình độ quản lý và vận hành tàu của các sỹ quan thuyền viên, tăng cường tuyển dụng những thuyền viên có trình độ cao để hoàn thiện bộ máy thuyền bộ của Công ty. Xây dựng quy chế tiền lương mới để kích thích người lao động làm việc có trách nhiệm, nâng cao năng suất lao động.

Đối với cán bộ phòng ban, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ, luôn tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ đi học thêm các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Thị trường vận tải biển dự báo tiếp tục còn nhiều khó khăn trước mắt. Nhu cầu vận chuyển hàng vẫn chưa nhiều trong khi dư thừa tấn trọng tải. Do đó, các công ty vận tải biển cần có chiến lược cơ cấu lại đội tàu cho phù hợp với nguồn hàng vận chuyển, năng lực khai thác. Đồng thời nâng cao năng lực quản lý, điều hành, siết chặt các khoản mục chi phí để duy trì hoạt động khai thác tàu, đảm bảo cân bằng hoặc có lãi nhất định, vượt qua giai đoạn khó khăn. Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các biện pháp thực hiện như sau:

a, Tiếp tục duy trì vận tải mặt hàng xuất nhập khẩu than, thạch cao truyền thống trên tuyến Việt Nam – Thái Lan, cố gắng đảm bảo đủ nguồn hàng hai chiều cũng như ngày tàu vận doanh tốt. Đồng thời tìm kiếm, mở rộng quan hệ với các khách hàng Hàn Quốc, Nhật Bản có uy tín để cho thuê tàu định hạn.

b, Nâng cao năng lực quản lý, siết chặt hợp lý các khoản mục chi phí trong giá thành vận tải, đặc biệt là nhiên liệu và sửa chữa.

c, Đẩy mạnh hơn nữa mảng hoạt động dịch vụ logistic và đại lý vận tải, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dịch vụ, từng bước nâng cao hình ảnh, uy tín của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế. Công ty đang nghiên cứu phương án đầu tư phương tiện hỗ trợ cho hoạt động dịch vụ như đầu tư sà lan để đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong giai đoạn tới.

d, Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý của CBCNV viên cũng như sỹ quan, thuyền viên dưới tàu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và giảm thiểu những sai sót, rủi ro trong quá trình vận hành và khai thác tàu.

e)Thực hiện nghiêm các công ước lao động hàng hải, bộ luật an toàn an ninh. Tăng cường việc kiểm tra, giám sát thực hiện chức trách thuyền viên để đảm bảo ngày tàu tốt, khắc phục triệt để các lỗi, khiếm khuyết có thể xảy ra.

f) Xem xét kế hoạch đầu tư thêm 01 tàu chở hàng bách hoá trọng tải 8.000 - 12.000 DWT; tổng mức đầu tư dự kiến: 1,5 - 3 triệu USD để tăng năng lực vận tải.

Căn cứ vào tình hình thị trường, nhận thức trách nhiệm với các cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, Ban giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2016
1	Tổng sản lượng	Tấn	600.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	190.000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.000

5.Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

* Về sản xuất kinh doanh:

Trong khi tình hình thị trường vận tải biển trong khu vực cũng như trong nước còn nhiều biến động thất thường, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi đúng hướng phù hợp với năng lực và khả năng tài chính của Công ty. Công việc kinh doanh tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính là khai thác vận tải và dịch vụ logistics, không hoạt động dàn trải, phân tán. Trong điều kiện một số chi phí luôn giữ ở mức cao, Ban giám đốc đã kịp thời chỉ đạo các bộ phận chức năng áp dụng nhiều biện pháp hữu hiệu nhằm giảm bớt chi phí vận hành tàu, thực hiện chế độ bảo quản, bảo dưỡng tàu tốt, giữ tàu sạch đẹp, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, đồng thời khai thác tàu đảm bảo hàng hai chiều, kinh doanh có lãi. Trước tình hình cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt, kinh doanh dịch vụ logistics vẫn duy trì các nguồn hàng với những bạn hàng lớn như Công ty xi măng Chinfon, Công ty TNHH MTV thép Hoà Phát, Công ty TNHH Vĩnh Phước...). Do vậy trong điều kiện khó khăn, hầu hết các doanh nghiệp vận tải bị thua lỗ thì Công ty từng bước ổn định vượt qua khó khăn, kinh doanh có lãi và đạt tốc độ tăng trưởng cao so với năm trước.

* Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn đảm bảo tính chính xác và trung thực, thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách kế toán tài chính hiện hành.

* Về công tác đầu tư:

Nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng cao về khai thác vận tải biển, Công ty đang tích cực đầu tư phát triển trẻ hoá đội tàu, nâng cao năng lực quản lý của cán bộ công nhân viên, nâng cao khả năng khai thác, vận hành tàu biển để giảm thiểu rủi ro, tăng cường hiệu quả kinh doanh. Để cơ cấu, trẻ hoá đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh, tháng 8/2015 Công ty đầu tư thêm 01 tàu hàng khô Transco Glory trọng tải 8.782 DWT đóng năm 2004 tại Nhật Bản với giá trị đầu tư trên 65 tỷ đồng. Ngay khi nhận xong tàu, Công ty đã chủ động việc khai thác, đưa tàu về chạy tuyến Việt Nam - Thái Lan và khu vực Đông Nam Á, đảm bảo doanh thu, hiệu quả và giữ được tuyến vận tải truyền thống của Công ty.

2) Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc:

Công tác chỉ đạo kinh doanh của Ban giám đốc luôn theo sát kế hoạch và phương hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện vượt mức các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban giám đốc làm việc tích cực, làm việc có trách nhiệm, luôn bám sát các công việc hàng ngày, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, quán triệt tinh thần tiết kiệm chi phí trong khai thác quản lý tàu. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được triển khai kịp thời đến các cấp quản lý và các phương tiện. Do vậy kết quả kinh doanh năm 2015 đã đạt được rất tốt, vượt hầu hết các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

Kết hợp với công tác chuyên môn, Ban giám đốc luôn quan tâm đến chế độ lương thưởng và đời sống của CBCNV, tạo sự đoàn kết nhất trí, làm việc nhiệt tình của CBCNV và sỹ quan thuyền viên.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị Công ty gồm 06 người trong đó số thành viên độc lập không điều hành 03 người ; 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty, 01 Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc công ty, 01 Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty.

- a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2015:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	SỐ CP ĐẠI DIỆN NHÀ NƯỚC	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Lê Tất Hưng	030679230	Giám đốc/ Chủ tịch HĐQT/ Đại diện vốn của TCT Hàng hải VN	176.000	2.880.000	35,53%	160%
2	Đỗ Văn Hội	030840161	Phó chủ tịch HĐQT	16.000		0,18%	160%
3	Vương Ngọc Sơn	031288529	Ủy viên TT HĐQT	8.000		0,09%	160%

4	Phan Duy Vân	030802311	Ủy viên HĐQT	60.120		0,7%	186%
5	Trần Thị Kim Lan	030168425	Ủy viên HĐQT	33.600		0,39%	160%
6	Mai Xuân Ngoạt	030767200	Ủy viên HĐQT	90.480		1,05%	239%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị họp định kỳ 3 tháng/ lần, tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đưa ra phương hướng kế hoạch cho quý sau. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành căn cứ nhiệm vụ được phân công chỉ đạo công tác điều hành trong các lĩnh vực kỹ thuật, an toàn hàng hải, nhân sự, tài chính, kinh doanh.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị Công ty: không có

2. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 người trong đó có 01 trưởng ban kiểm soát và 02 ủy viên.

a) Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2015:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Đỗ Ngọc Thao	131095809	Trưởng ban kiểm soát	14.400	0.16%	120%
2	Bùi Ngọc Thanh	030969366	Ủy viên ban kiểm soát	74	0.0008%	120%
3	Đan Hải Long	030946351	Ủy viên ban kiểm soát	300	0.003%	150%

b) Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ hàng quý kiểm tra tính hợp lý hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý:

* Thù lao HĐQT, ban kiểm soát năm 2015: 144.000.000 đồng/ năm, cụ thể như sau:

- + Thành viên HĐQT: 1.500.000đ/người/tháng
- + Thành viên ban kiểm soát: 1.000.000đ/người/tháng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THÙ LAO NĂM 2015
I	Hội đồng quản trị		
1	Lê Tất Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm GD	18.000.000
2	Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch HĐQT	18.000.000
3	Vương Ngọc Sơn	Ủy viên HĐQT	18.000.000
4	Phan Duy Vân	Ủy viên HĐQT kiêm Phó GD	18.000.000
5	Trần Thị Kim Lan	Ủy viên HĐQT kiêm KT trưởng	18.000.000
6	Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên HĐQT	18.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Đỗ Ngọc Thao	Trưởng BKS	12.000.000
2	Bùi Ngọc Thanh	Ủy viên BKS	12.000.000
3	Đan Hải Long	Ủy viên BKS	12.000.000

* Chi phí hội họp, hoạt động khác của HĐQT: chờ Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua mức trích.

* Các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : Không có

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong kỳ Công ty có tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng bằng phương án phát hành 1.200.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ (5:1) bằng nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán 2.400.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ (5:2). Do đó số lượng cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan của Công ty thay đổi như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tổng công ty HHVN - Công ty TNHH một thành viên	Cổ đông lớn	1.800.000	30%	2.880.000	33,49%	Được thưởng 720.000 cổ phiếu, mua 360.000 cổ phiếu phát hành thêm
2	Lê Tất Hưng	Chủ tịch HĐQT	110.000	1,83%	176.000	2,04%	Được thưởng 22.000 cổ phiếu, mua 44.000 cổ phiếu phát hành thêm
3	Đỗ Văn Hội	Phó Chủ tịch HĐQT	10.000	0,16%	16.000	0,18%	Được thưởng 2.000 cổ phiếu, mua 4.000 cổ phiếu phát hành thêm
4	Trần Thị Kim Lan	Ủy viên HĐQT	21.000	0,35%	33.600	0,39%	được thưởng 4.200 cổ phiếu, mua 8.400 cổ

							phiếu phát hành thêm
5	Mai Xuân Ngọt	Ủy viên HĐQT	37.800	0,63%	90.480	1,05%	mua thêm 30.000 cổ phiếu, được thưởng 7.560 cổ phiếu, mua 15.120 cổ phiếu phát hành thêm.
6	Vương Ngọc Sơn	Ủy viên HĐQT	5.000	0,08%	8.000	0,09%	Được thưởng 1.000 cổ phiếu, mua 2.000 cổ phiếu phát hành thêm
7	Phan Duy Vân	Ủy viên HĐQT	32.200	0,54%	60.120	0,7%	Mua thêm 6.200 cổ phiếu, được thưởng 7.240 cổ phiếu, mua 14.480 cổ phiếu phát hành thêm
8	Đỗ Ngọc Thao	Trưởng ban kiểm soát	12.000	0,2%	14.400	0,16%	Được thưởng 2.400 cổ phiếu

9	Đan Hải Long	Ủy viên ban kiểm soát	200	0,003%	300	0,003%	Được thưởng 40 cổ phiếu, mua 60 cổ phiếu phát hành thêm.
10	Bùi Ngọc Thanh	Ủy viên ban kiểm soát	62	0,001%	74	0,0008%	Được thưởng 12 cổ phiếu
11	Bùi Thị Hồng Hạnh	Nhân viên công bố thông tin	1.000	0,02%	1.200	0,013%	Được thưởng 200 cổ phiếu

Ngày 25/05/2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt trở thành cổ đông lớn của Công ty với số cổ phần sở hữu: 468.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,44%.

Ngày 30/12/2015, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB trở thành cổ đông lớn của Công ty với số cổ phần sở hữu: 446.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,19%.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị liên tục học hỏi, tham gia các lớp đào tạo để nâng cao năng lực quản trị Công ty. Tăng tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị có tham gia điều hành Công ty để nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, nâng cao hiệu quả quản trị Công ty. Tăng cường công tác chỉ đạo tiết giảm chi phí, điều hành khai thác tài theo những tuyến hợp lý.

VI. Báo cáo tài chính

a) Kiểm toán độc lập :

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *BL*



GIÁM ĐỐC
Lê Cát Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch
Ông Phan Duy Vân	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Ủy viên
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Thao	Trưởng ban
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Tất Hưng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Số: 330/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 29 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.328.061.236	53.567.131.040
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.494.830.317	38.472.229.100
111	1. Tiền		11.494.830.317	7.472.229.100
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	31.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.167.341.922	10.070.920.055
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	8.386.460.268	8.889.137.823
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		184.473.147	60.446.147
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	864.610.137	1.364.808.715
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(268.201.630)	(243.472.630)
140	IV. Hàng tồn kho	7	3.982.633.724	5.019.958.885
141	1. Hàng tồn kho		3.982.633.724	5.019.958.885
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.683.255.273	4.023.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	4.023.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.683.255.273	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		187.205.865.055	135.734.431.668
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.200.000	9.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	5	14.200.000	9.200.000
220	II. Tài sản cố định		184.006.480.062	135.725.231.668
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	176.751.184.062	128.469.935.668
222	- Nguyên giá		292.528.289.703	226.704.220.465
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(115.777.105.641)	(98.234.284.797)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.255.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.185.184.993	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.185.184.993	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		221.533.926.291	189.301.562.708

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		97.911.167.655	83.947.939.563
310	I. Nợ ngắn hạn		48.768.906.915	41.817.067.443
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	10.821.388.428	10.404.744.524
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		795.856.973	3.790.601.991
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.565.653.350	2.135.421.400
314	4. Phải trả người lao động		3.129.470.579	4.250.947.274
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.368.858.864	1.152.048.118
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.365.515.477	671.270.173
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	26.954.859.035	13.212.840.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	633.333.333	5.883.333.330
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.133.970.876	315.860.633
330	II. Nợ dài hạn		49.142.260.740	42.130.872.120
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	47.942.260.740	42.130.872.120
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	16	1.200.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		123.622.758.636	105.353.623.145
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	123.622.758.636	105.353.623.145
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	60.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	17.169.335.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.892.610.858	4.590.523.453
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.722.162.778	23.593.764.692
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.090.424.844	572.890.641
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		10.631.737.934	23.020.874.051
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		221.533.926.291	189.301.562.708

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	198.251.329.120	221.864.779.297
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		198.251.329.120	221.864.779.297
11	4. Giá vốn hàng bán	20	175.847.683.542	202.337.298.331
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.403.645.578	19.527.480.966
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.218.635.558	1.179.770.755
22	7. Chi phí tài chính	22	5.973.080.076	4.301.066.897
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.403.314.188	3.184.229.248
25	8. Chi phí bán hàng	23	224.011.048	1.008.430.706
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	6.526.252.410	6.327.181.556
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.898.937.602	9.070.572.562
31	11. Thu nhập khác	25	3.314.770.238	26.807.164.796
32	12. Chi phí khác	26	566.927.116	8.122.359.275
40	13. Lợi nhuận khác		2.747.843.122	18.684.805.521
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.646.780.724	27.755.378.083
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3.015.042.790	4.734.504.032
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.631.737.934</u>	<u>23.020.874.051</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.240	3.197

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		207.898.972.821	231.219.920.434
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(168.441.813.579)	(185.710.444.386)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(14.051.030.809)	(14.635.797.891)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.462.812.535)	(3.642.713.529)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.557.367.005)	(2.672.593.050)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.925.396.277	10.555.990.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.659.105.206)	(3.809.091.403)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>10.652.239.964</i>	<i>31.305.270.175</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(65.824.069.238)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	19.387.068.182
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.082.124.649	558.467.128
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(64.741.944.589)</i>	<i>19.945.535.310</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		13.838.650.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		34.603.449.035	-
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(17.370.440.000)	(27.317.820.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.000.000.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>28.071.659.035</i>	<i>(27.317.820.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(26.018.045.590)</i>	<i>23.932.985.485</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		38.472.229.100	14.496.170.013
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		40.646.807	43.073.602
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		<u>12.494.830.317</u>	<u>38.472.229.100</u>

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ
Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính
Dịch vụ vận tải

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn, không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	467.095.497	666.846.475
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.027.734.820	6.805.382.625
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	31.000.000.000
	12.494.830.317	38.472.229.100

(*) Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với số tiền 1 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 4%/năm.

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Xi măng Chinfon	2.057.881.848	1.970.871.803
- Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	3.512.082.489	3.765.427.153
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	-	500.013.220
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.816.495.931	2.652.825.647
	8.386.460.268	8.889.137.823
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	8.386.460.268	8.889.137.823
	8.386.460.268	8.889.137.823

3750
C. TY
PH. AN
U. VAN
HONG P
A. S. P.

003
C. TY
C. PH. AN
C. PH. AN
V. VAN
S. BA
01001
C. TY
TR. AN
H. AN
A
HOAN K
TR. AN
V. VAN
A

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.444.444	-	209.888.889	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	20.495.298	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	2.157.401	-
Tạm ứng	854.223.693	-	720.120.637	-
Phải thu chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu	-	-	390.146.490	-
Phải thu khác	7.942.000	-	22.000.000	-
	<u>864.610.137</u>	<u>-</u>	<u>1.364.808.715</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	14.200.000	-	9.200.000	-
	<u>14.200.000</u>	<u>-</u>	<u>9.200.000</u>	<u>-</u>

6 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vận Xuân	185.771.630	-	185.771.630	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiến Ngọc	82.430.000	-	82.430.000	24.729.000
	<u>268.201.630</u>	<u>-</u>	<u>268.201.630</u>	<u>24.729.000</u>

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.982.633.724	-	5.019.958.885	-
	<u>3.982.633.724</u>	<u>-</u>	<u>5.019.958.885</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	226.668.811.034	35.409.431	226.704.220.465
- Mua trong năm	65.824.069.238	-	65.824.069.238
Số dư cuối năm	292.492.880.272	35.409.431	292.528.289.703
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	98.198.875.366	35.409.431	98.234.284.797
- Khấu hao trong năm	17.542.820.844	-	17.542.820.844
Số dư cuối năm	115.741.696.210	35.409.431	115.777.105.641
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	128.469.935.668	-	128.469.935.668
Tại ngày cuối năm	176.751.184.062	-	176.751.184.062

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 176.751.184.062 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 189.817.240 đồng.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình Công ty với tổng giá trị là 7.255.296.000 đồng là quyền sử dụng lâu dài diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng. Tài sản này đang dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay của Công ty.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	-	4.023.000
	-	4.023.000
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Sky	3.185.184.993	-
	3.185.184.993	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Xí nghiệp tập thể 559	124.090.145	124.090.145	2.151.674.125	2.151.674.125
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ & Vận tải Vinh Kim Sơn	964.759.047	964.759.047	769.753.447	769.753.447
Công ty TNHH MTV đóng tàu Phà Rừng	1.661.493.658	1.661.493.658	-	-
Phải trả các đối tượng khác	8.071.045.578	8.071.045.578	7.483.316.952	7.483.316.952
	<u>10.821.388.428</u>	<u>10.821.388.428</u>	<u>10.404.744.524</u>	<u>10.404.744.524</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	10.821.388.428	10.821.388.428	10.404.744.524	10.404.744.524
	<u>10.821.388.428</u>	<u>10.821.388.428</u>	<u>10.404.744.524</u>	<u>10.404.744.524</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	69.302.509	-	69.302.509	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.057.367.005	3.015.042.790	3.557.367.005	-	1.515.042.790
Thuế Thu nhập cá nhân	-	8.751.886	190.208.449	148.349.775	-	50.610.560
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.463.000	4.463.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	2.135.421.400	3.212.714.239	3.782.482.289	-	1.565.653.350

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

175
3 T
PH
JVA
JON
20
T
1111
ÔNG T
YHIEM H
KIEM T
ASC
M-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	676.122.944	735.621.291
- Chi phí phải trả khác	692.735.920	416.426.827
	<u>1.368.858.864</u>	<u>1.152.048.118</u>

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	32.159.754	14.866.220
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.720.000.000	-
- Phải trả cho Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	258.912.080	269.209.406
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	121.929.944	159.111.961
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	120.520.124	158.096.407
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	111.993.575	69.986.179
	<u>2.365.515.477</u>	<u>671.270.173</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	-	-	3.698.449.035	-	3.698.449.035	3.698.449.035
- Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	13.212.840.000	13.212.840.000	26.636.920.000	16.593.350.000	23.256.410.000	23.256.410.000
	13.212.840.000	13.212.840.000	30.335.369.035	16.593.350.000	26.954.859.035	26.954.859.035
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	55.343.712.120	55.343.712.120	33.248.308.620	17.393.350.000	71.198.670.740	71.198.670.740
	55.343.712.120	55.343.712.120	33.248.308.620	17.393.350.000	71.198.670.740	71.198.670.740
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(13.212.840.000)	(13.212.840.000)	(26.636.920.000)	(16.593.350.000)	(23.256.410.000)	(23.256.410.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	42.130.872.120	42.130.872.120			47.942.260.740	47.942.260.740

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT-166-TRANSCO ngày 23/12/2015 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 15 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ cho hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 21/05/2016;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi, được xác định và điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Lãi suất trong kỳ là 6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.698.449.035 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng bao gồm 03 hợp đồng tín dụng:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐDH/NHHB ngày 12 tháng 09 năm 2007 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng tín dụng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 6.450.000 USD;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô New Lucky XI theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 14/06/2007 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Công ty Franbo Navigator S.A., PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 9,5 năm (114 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn chi phí mua vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 808.574 USD (tương đương với 18.201.000.740 đồng), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 385.000 USD (tương đương 8.666.350.000 đồng).

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng tín dụng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.017.000 USD (tương đương với 22.892.670.000 đồng), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 506.000 USD (tương đương với 11.390.060.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015****Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp theo):**

- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDDH/NHCT166-TRANSCO ngày 10/07/2015 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 30.905.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý thuộc dự án đầu tư mua tàu Atago (Transco Glory) trọng tải 8.782 tấn đã qua sử dụng;
 - + Thời hạn cho vay: 7 năm (84 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn khác tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 5%/năm. Lãi suất trong năm là 8,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 30.105.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 3.200.000.000 đồng.

Các khoản vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Transco Star, tàu Transco Sky, tàu Transco Glory và quyền sử dụng diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TSC-HB/2010 ngày 13/08/2010 và Bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 31/08/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/TSC-HB/2010 ngày 13/08/2010 và Bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 31/08/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/TC/NHCT-TRANSCO ngày 30/07/2015.

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng phải trả khác (Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ)	633.333.333	5.883.333.330
	<u>633.333.333</u>	<u>5.883.333.330</u>
b) Dài hạn		-
- Dự phòng phải trả khác (Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ)	1.200.000.000	-
	<u>1.200.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	17.169.335.000	4.590.523.453	852.078.728	82.611.937.181				
Lãi trong năm trước	-	-	-	23.020.874.051	23.020.874.051				
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(279.188.087)	(279.188.087)				
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	17.169.335.000	4.590.523.453	23.593.764.692	105.353.623.145				
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	17.169.335.000	4.590.523.453	23.593.764.692	105.353.623.145				
Tăng vốn trong năm nay	26.000.000.000	(12.161.350.000)	-	-	13.838.650.000				
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	10.631.737.934	10.631.737.934				
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.302.087.405	(3.783.339.848)	(1.481.252.443)				
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(4.720.000.000)	(4.720.000.000)				
Số dư cuối năm nay	86.000.000.000	5.007.985.000	6.892.610.858	25.722.162.778	123.622.758.636				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	23.020.874.051	100,00%	23.020.874.051
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	2.302.087.405	10,00%	2.302.087.405
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,00%	1.381.252.443	6,00%	1.381.252.443
Trích Quỹ chi hội hợp và hoạt động khác của HĐQT	0,43%	100.000.000	0,43%	100.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	83,57%	19.237.534.203	83,57%	19.237.534.203

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2015, Công ty công bố việc chi trả cổ tức bằng 7% vốn điều lệ. Công ty đã tạm ứng cổ tức lần 01 là 5% vốn điều lệ với tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng (đã chốt danh sách cổ đông vào ngày 08/05/2015). Cổ tức lần 02 là 2% vốn điều lệ với tổng số tiền là 1.720.000.000 đồng (đã chốt danh sách cổ đông vào ngày 29/12/2015).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	33,49%	28.800.000.000	30,00%	18.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	66,51%	57.200.000.000	70,00%	42.000.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư MB (*)	5,19%	4.465.000.000	0,00%	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt (*)	5,45%	4.684.000.000	0,00%	-
- Các cổ đông khác	55,87%	48.051.000.000	70,00%	42.000.000.000
	100%	86.000.000.000	100%	60.000.000.000

(*) Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt và Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư MB trở thành cổ đông lớn của Công ty với tổng số lượng cổ phiếu chiếm trên 5% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Tuy nhiên không có số liệu so sánh tại thời điểm 01/01/2015 đối với các cổ đông này.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	26.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	86.000.000.000	60.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015 Đã điều chỉnh
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.600.000	7.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	7.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	7.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Do trong kỳ Công ty thực hiện phát hành 1.200.000 cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo đó Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 và Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính khi số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hoá, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu.

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.892.610.858	4.590.523.453
	6.892.610.858	4.590.523.453

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	468.785,70	194.018,68

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	101.062.701.103	120.628.957.185
Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.188.628.017	101.235.822.112
	<u><u>198.251.329.120</u></u>	<u><u>221.864.779.297</u></u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	82.621.129.122	105.713.707.546
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	93.226.554.420	96.623.590.785
	<u><u>175.847.683.542</u></u>	<u><u>202.337.298.331</u></u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	874.680.204	768.356.017
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	343.955.354	411.414.738
	<u><u>1.218.635.558</u></u>	<u><u>1.179.770.755</u></u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.403.314.188	3.184.229.248
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	493.902.671	340.750.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.075.863.217	776.087.209
	<u><u>5.973.080.076</u></u>	<u><u>4.301.066.897</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.011.048	1.008.430.706
	224.011.048	1.008.430.706

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.104.714	102.195.760
Chi phí nhân công	4.071.148.718	4.026.152.360
Thuế, phí, lệ phí	7.463.000	7.463.000
Chi phí dự phòng	24.729.000	57.701.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.053.193.597	1.150.863.186
Chi phí khác bằng tiền	1.282.613.381	982.806.250
	6.526.252.410	6.327.181.556

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	17.681.818.182
Thu nhập từ bán sắt thép phế liệu, dầu tồn	-	104.923.269
Thu nhập từ tiền phạt, thưởng phải thu khách hàng	1.819.442.509	1.800.083.769
Thu nhập từ tiền hỗ trợ chi phí khắc phục sự cố	1.495.326.290	7.217.839.216
Thu nhập khác	1.439	2.500.360
	3.314.770.238	26.807.164.796

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	62.931.818
Chi phí nhiên liệu bán thanh lý	-	103.636.216
Tiền bồi thường, nộp phạt theo hợp đồng	115.757.132	258.144.261
Chi phí khắc phục sự cố tàu không được bồi thường	-	7.682.947.532
Chi phí khác	451.169.984	14.699.448
	566.927.116	8.122.359.275

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.646.780.724	27.755.378.083
Các khoản điều chỉnh tăng	57.959.232	58.500.000
- Chi phí không hợp lệ	57.959.232	58.500.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(6.294.087.031)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(4.294.647)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(6.289.792.384)
Thu nhập tính thuế TNDN	13.704.739.956	21.519.791.052
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	3.015.042.790	4.734.354.031
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	150.001
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.015.042.790	4.734.504.032
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.057.367.005	(4.543.977)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.557.367.005)	(2.672.593.050)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.515.042.790	2.057.367.005

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	Đã điều chỉnh VND
Lợi nhuận sau thuế	10.631.737.934	23.020.874.051
Các khoản điều chỉnh	(637.904.276)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(637.904.276)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.993.833.658	23.020.874.051
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.059.178	7.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.240	3.197

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.967.532.468	49.644.763.467
Chi phí nhân công	16.353.685.391	18.668.963.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.542.820.844	15.128.872.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.215.365.916	124.959.422.300
Chi phí khác bằng tiền	1.493.813.381	1.213.188.250
	182.573.218.000	209.615.209.593

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.494.830.317	-	38.472.229.100	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.265.270.405	(268.201.630)	10.263.146.538	(243.472.630)
	21.760.100.722	(268.201.630)	48.735.375.638	(243.472.630)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	74.897.119.775	55.343.712.120
Phải trả người bán, phải trả khác	13.186.903.905	11.076.014.697
Chi phí phải trả	1.368.858.864	1.152.048.118
	89.452.882.544	67.571.774.935

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	12.494.830.317	-	-	12.494.830.317
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.982.868.775	14.200.000	-	8.997.068.775
	<u>21.477.699.092</u>	<u>14.200.000</u>	<u>-</u>	<u>21.491.899.092</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	38.472.229.100	-	-	38.472.229.100
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.010.473.908	9.200.000	-	10.019.673.908
	<u>48.482.703.008</u>	<u>9.200.000</u>	<u>-</u>	<u>48.491.903.008</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	26.954.859.035	39.437.260.740	8.505.000.000	74.897.119.775
Phải trả người bán, phải trả khác	13.186.903.905	-	-	13.186.903.905
Chi phí phải trả	1.368.858.864	-	-	1.368.858.864
	41.510.621.804	39.437.260.740	8.505.000.000	89.452.882.544
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	13.212.840.000	42.130.872.120	-	55.343.712.120
Phải trả người bán, phải trả khác	11.076.014.697	-	-	11.076.014.697
Chi phí phải trả	1.152.048.118	-	-	1.152.048.118
	25.440.902.815	42.130.872.120	-	67.571.774.935

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	101.062.701.103	97.188.628.017	198.251.329.120
Chi phí bộ phận trực tiếp	82.621.129.122	93.226.554.420	175.847.683.542
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.441.571.981	3.962.073.597	22.403.645.578
Tổng chi phí mua TSCĐ	65.824.069.238	-	65.824.069.238
Tài sản bộ phận trực tiếp	193.337.409.427	8.432.190.547	201.769.599.974
Tài sản không phân bổ	-	-	19.764.326.317
Tổng tài sản	193.337.409.427	8.432.190.547	221.533.926.291
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	87.770.009.875	4.377.272.345	92.147.282.220
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	5.763.885.435
Tổng nợ phải trả	87.770.009.875	4.377.272.345	97.911.167.655

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Theo khu vực địa lý

	<u>Trong nước</u>	<u>Quốc tế</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.176.859.849	9.074.469.271	198.251.329.120
Tài sản bộ phận	37.757.953.365	183.775.972.926	221.533.926.291
Nợ phải trả bộ phận	94.392.942.108	3.518.225.547	97.911.167.655

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	996.914.131	907.420.547

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	53.567.131.040	100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	53.567.131.040	-
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	38.472.229.100	110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	38.472.229.100	-
111	1. Tiền	7.472.229.100	111	1. Tiền	7.472.229.100	-
112	2. Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	112	2. Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	9.350.799.418	130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	10.070.920.055	720.120.637
131	1. Phải thu khách hàng	8.889.137.823	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.889.137.823	-
132	2. Trả trước cho người bán	60.446.147	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	60.446.147	-
135	5. Các khoản phải thu khác	644.688.078	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	1.364.808.715	720.120.637
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(243.472.630)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(243.472.630)	-
140	IV. Hàng tồn kho	5.019.958.885	140	IV. Hàng tồn kho	5.019.958.885	-
141	1. Hàng tồn kho	5.019.958.885	141	1. Hàng tồn kho	5.019.958.885	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	724.143.637	150	V. Tài sản ngắn hạn khác	4.023.000	(720.120.637)
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	4.023.000	151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	4.023.000	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	720.120.637	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(720.120.637)

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
HỌ TÊN: ...
CHỨC VỤ: ...
CÁI KÝ: ...

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
HỌ TÊN: ...
CHỨC VỤ: ...
CÁI KÝ: ...

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Số tiền	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	135.734.431.668	135.734.431.668	-
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	9.200.000	9.200.000
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	9.200.000	9.200.000
220	II. Tài sản cố định	135.725.231.668	135.725.231.668	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	128.469.935.668	128.469.935.668	-
222	- Nguyên giá	226.704.220.465	226.704.220.465	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(98.234.284.797)	(98.234.284.797)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	7.255.296.000	7.255.296.000	-
228	- Nguyên giá	7.255.296.000	7.255.296.000	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác	9.200.000	-	(9.200.000)
268	3. Tài sản dài hạn khác	9.200.000	-	(9.200.000)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	189.301.562.708	189.301.562.708	-
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	83.947.939.563	83.947.939.563	-
310	I. Nợ ngắn hạn	41.817.067.443	41.817.067.443	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13.212.840.000	13.212.840.000	-
312	2. Phải trả người bán	10.404.744.524	10.404.744.524	-
313	3. Người mua trả tiền trước	3.790.601.991	3.790.601.991	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.135.421.400	2.135.421.400	-
315	5. Phải trả người lao động	4.250.947.274	4.250.947.274	-
316	6. Chi phí phải trả	7.035.381.448	1.152.048.118	(5.883.333.330)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	671.270.173	671.270.173	-
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	5.883.333.330	5.883.333.330
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	315.860.633	315.860.633	-
330	II. Nợ dài hạn	42.130.872.120	42.130.872.120	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	42.130.872.120	42.130.872.120	-
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	83.947.939.563	83.947.939.563	-
310	I. Nợ ngắn hạn	41.817.067.443	41.817.067.443	-
320	1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	13.212.840.000	13.212.840.000	-
311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	10.404.744.524	10.404.744.524	-
312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.790.601.991	3.790.601.991	-
313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.135.421.400	2.135.421.400	-
314	5. Phải trả người lao động	4.250.947.274	4.250.947.274	-
315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	7.035.381.448	1.152.048.118	(5.883.333.330)
319	10. Phải trả ngắn hạn khác	671.270.173	671.270.173	-
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	5.883.333.330	5.883.333.330
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	315.860.633	315.860.633	-
330	II. Nợ dài hạn	42.130.872.120	42.130.872.120	-
338	7. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	42.130.872.120	42.130.872.120	-

